

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **06** /NQ-HĐND

Quảng Ninh, ngày **01** tháng 4 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Về giao nhiệm vụ cho UBND huyện thực hiện một số nội dung chi
trong dự toán ngân sách năm 2024**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH
KHÓA XX**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 76/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ
Tài chính quy định về việc tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm
2024;*

*Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 19/12/2023 của HĐND huyện
Quảng Ninh khóa XX, kỳ họp thứ 11 về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước
huyện Quảng Ninh năm 2024;*

*Xét Tờ trình số 57/TTr-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban
nhân dân huyện về đề nghị ban hành Nghị quyết về giao nhiệm vụ cho Ủy ban
nhân dân huyện quyết định một số nội dung chi trong dự toán ngân sách năm
2024; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - xã hội Hội đồng nhân dân huyện và
ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Giao nhiệm vụ cho Ủy ban nhân dân huyện quyết định một số nội
dung trong dự toán chi ngân sách năm 2024: giao bổ sung dự toán năm 2024 cho
các đơn vị dự toán cấp I đối với các nhiệm vụ chưa xác định được rõ đơn vị thực
hiện trong dự toán đầu năm và các nội dung dự kiến phát sinh nhưng chưa có
chủ trương của cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện thuộc dự toán ngân sách
năm 2024 (Có phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Hội đồng nhân dân huyện giao Ủy ban nhân dân huyện triển khai
thực hiện Nghị quyết này và báo cáo Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp gần
nhất; giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân
huyện, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện trong phạm vi

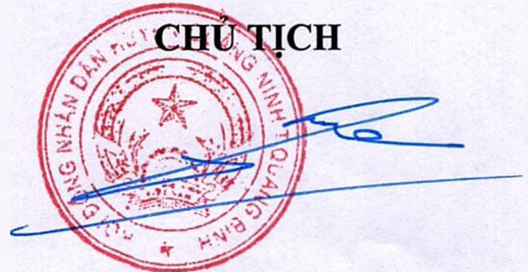
nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Quảng Ninh khóa XX thông qua ngày 01 tháng 4 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND tỉnh (B/c);
- ĐBHNND tỉnh ứng cử trên địa bàn;
- Ban TV Huyện ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMT huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể;
- Lưu: VT.

[Handwritten signature]



Nguyễn Ngọc Thụ

PHỤ LỤC

(Kèm theo Nghị quyết số **06** /NQ-HĐND ngày **01** /**4** /2024 của HĐND huyện Quảng Ninh)

ĐVT: Triệu đồng



STT	Nội dung	Dự toán 2024	Trong đó nguồn kinh phí thực hiện chính sách an sinh xã hội; kinh phí thực hiện các các chính sách đã có quy định, định mức
	TỔNG SỐ CHI THƯỜNG XUYÊN	70.368,31	52.099,98
A	QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	2.209,80	425,00
1	Kinh phí kỷ niệm các ngày lễ	549,00	
2	Cán bộ luân chuyên	180,00	180,00
3	KP ứng dụng phần mềm ngành tài chính công khai ngân sách; kinh phí đào tạo (tinh cấp)	130,00	
4	Kinh phí Đại hội các tổ chức, đoàn thể	50,00	
5	KP viết lịch sử đảng bộ các ngành, xuất bản các ấn phẩm và sưu tầm hiện vật nhà truyền thống	95,80	
6	KP tuyên truyền, quảng bá trên các báo, tạp chí và công tác phối hợp với đài PT-TH tỉnh	120,00	
7	Kinh phí mua xe ô tô	790,00	
8	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đột xuất của Lãnh đạo HU, HĐND, UBND huyện ...	50,00	
9	Kinh phí hỗ trợ hàng tháng đối với cán bộ không chuyên trách ở thôn và tổ dân phố	245,00	245,00
B	SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO	15.823,11	9.369,40
1	Chi thi đua khen thưởng	1.100,00	1.100,00
2	Chi chung của ngành GD-ĐT	69,00	
3	Chi hỗ trợ xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia, trường dẫn đầu các cấp học	1.530,00	1.530,00
4	Học bổng và chi phí học tập học sinh khuyết tật	712,00	712,00
5	Chính sách hỗ trợ học sinh theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP	4.715,00	4.715,00
6	Kinh phí hỗ trợ học sinh bán trú theo Nghị định 116/2016/NĐ CP	99,20	99,20
7	Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ 3-5 tuổi (NĐ 105)	1.178,20	1.178,20
8	Hỗ trợ chi phí học tập theo NĐ 57 (dân tộc rất ít người)	35,00	35,00
9	Cuộc vận động học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng	45,00	
10	Kinh phí mua trang thiết bị dạy học chương trình giáo dục phổ thông mới lớp 5, lớp 9	2.250,00	
11	Bổ sung một số chế độ chính sách phát sinh	3.823,61	
12	Đào tạo lại	180,75	
13	KP liên kết đào tạo, phối hợp mở các lớp bồi dưỡng tại huyện Quảng Ninh	5,35	
14	KP mở lớp đào tạo Quốc phòng - An ninh	80,00	
C	SỰ NGHIỆP Y TẾ	30.462,00	30.206,00
1	Mua thẻ BHYT cho các đối tượng	30.206,00	30.206,00



STT	Nội dung	Dự toán 2024	Trong đó nguồn kinh phí thực hiện chính sách an sinh xã hội; kinh phí thực hiện các các chính sách đã có quy định, định mức
2	KP phòng, chống dịch, vệ sinh an toàn thực phẩm, dân số và gia đình	256,00	
D	SỰ NGHIỆP VH-TT-TD VÀ PTTT	1.420,00	
1	Hoạt động văn hóa, thể dục thể thao	220,00	
2	Mua sắm hệ thống âm thanh phục vụ tại nhà văn hóa huyện và sửa chữa cột ăngten, trụ sở	300,00	
3	Lễ hội đua thuyền truyền thống	810,00	
4	Lễ hội lập lổ, Lễ hội Cầu ngư, bài chòi	90,00	
E	SỰ NGHIỆP KINH TẾ	9.476,08	7.520,08
1	Hỗ trợ phát triển sản xuất	1.851,08	1.851,08
2	Xây dựng cơ sở vật chất: Nhà văn hoá, Trạm truyền thanh...	450,00	450,00
3	Hỗ trợ khác	266,00	266,00
4	Sự nghiệp giao thông: Duy tu, bảo dưỡng hệ thống đường giao thông, cắm biển báo giao thông	270,00	
5	Cấp bù thu lợi phí	2.773,00	2.773,00
6	Chính sách hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất trồng lúa	1.550,00	1.550,00
7	Hỗ trợ xây dựng chương trình nông thôn mới	630,00	630,00
8	Điều tra phát triển kinh tế xã hội	170,00	
9	Chi ứng dụng khoa học công nghệ	90,00	
10	Học tập kinh nghiệm phát triển KT-XH	720,00	
11	Sự nghiệp kinh tế khác	706,00	
F	ĐẢM BẢO XÃ HỘI	5.091,68	4.579,50
1	Kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách	1.074,00	1.074,00
2	Bảo hiểm xã hội tự nguyện	2.076,00	2.076,00
3	Chi thăm hỏi người có công, thân nhân người có công, hộ nghèo theo NQ số 30/2022/NQ-HĐND, hỗ trợ gia đình chính sách	1.429,50	1.429,50
4	Chi đảm bảo xã hội khác	512,18	
G	SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG	5.184,64	0,00
1	Kinh phí trồng và chăm sóc cây xanh đô thị	2.500,00	
2	Nạo vét, thay tấm đan rãnh thoát nước trung tâm Thị trấn Quán Hâu	450,00	
3	Kinh phí xử lý rác thải	1.020,00	
4	Hoạt động môi trường khác và đối ứng mua xe chuyên dùng	1.214,64	
H	CHI KHÁC NGÂN SÁCH	701,00	
I	NGUỒN KINH PHÍ CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG (Theo nhu cầu thực tế phát sinh)		